

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Huyện Đan Phượng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Huyện Đan Phượng.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Đ/c Nguyễn Quý Hợi - TP. Vật tư TBYT, Bệnh viện đa khoa Huyện Đan Phượng
 - SĐT: 0982229636
 - Email: vanbanphongvattubvdp@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - **Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư TBYT - Bệnh viện đa khoa Huyện Đan Phượng, Thị Trấn Phùng Huyện Đan Phượng, Hà Nội**
 - **Nhận qua email: vanbanphongvattubvdp@gmail.com**
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 11 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h.00 ngày 23 tháng 8 năm 2023
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế: Danh mục mua sắm vật tư y tế năm 2023 Bệnh viện đa khoa Đan Phượng (chi tiết theo danh mục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vật tư thiết bị y tế được vận chuyển, cung cấp, lắp đặt đến Phòng Vật tư TBYT, Bệnh viện đa khoa Huyện Đan Phượng

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo từng đợt bằng Bản dự trù gửi qua điện thoại, email...trong thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán.

5. Các thông tin khác: Giá báo giá bao gồm toàn bộ chi phí (thuế, lệ phí, bảo hành, bảo trì, vận chuyển, ...) chủ đầu tư không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Vt.

GIÁM ĐỐC



Quách Duy Kỳ

HANOI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐAN PHƯƠNG
ĐS

DANH MỤC DỰ TRÙ VẬT TƯ TIÊU HAO MUA SẮM NĂM 2023

(Kèm theo Thư mời Báo giá ngày: 01 tháng 8 năm 2023)

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
Phần I: Bơm kim tiêm và dây truyền				
1	Bơm 50 ml cho ăn	cái	600	Bơm tiêm bằng nhựa y tế nguyên sinh, 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
2	Bơm tiêm 10ml	cái	9.600	Bơm tiêm bằng nhựa y tế nguyên sinh 10ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
3	Bơm tiêm 20ml	cái	180.000	Bơm tiêm bằng nhựa y tế nguyên sinh 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
4	Bơm tiêm 3ml	cái	2.000	Bơm tiêm bằng nhựa nguyên sinh 3ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
5	Bơm tiêm 50 ml	cái	2.000	Bơm tiêm bằng nhựa nguyên sinh 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
6	Bơm tiêm 5ml	cái	190.000	Bơm tiêm bằng nhựa nguyên sinh 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE
7	Bơm hút thai 1 van	cái	10	Ống bơm có dung tích : 60cc. Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg. Bơm được làm bằng nhựa không latex
8	Dây truyền huyết thanh (dây truyền dịch)	Bộ	50.000	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu bằng nhựa dẻo PVC nguyên sinh trong suốt không có bọt khí. Tiệt trùng bằng khí EO.
9	Dây truyền máu	Bộ	700	Chất liệu bằng PVC, không DEHP, tiệt trùng bằng khí EO. Tương thích với các thành phần của máu
10	Kim bướm	cái	30.000	Chất liệu kim : thép không gỉ, đầu sắc nhọn, vát ba cạnh. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu bằng nhựa dẻo PVC nguyên sinh trong suốt, số 23, 25. Đầu nối được làm tối thiểu bằng nhựa ABS trong y tế.
11	Kim châm cứu các số loại A	cái	150.000	Vi bằng nhôm, thân kim sử dụng tối thiểu bằng thép.

VI
HO
PH
*

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
25	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 4/0	sợi	600	Chỉ Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 4/0. Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤60 µg/m. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
26	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 3/0	sợi	1.440	Chỉ Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 3/0. Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤60 µg/m. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
27	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 tiêu nhanh số 2/0	sợi	1.008	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0 Rapid. Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate. Sợi dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm. Tương đương Vicryl theo chứng nhận FDA. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
28	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 tiêu nhanh số 3/0	sợi	2.040	Chỉ Polyglactin 910 số 3/0 Rapid Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate. Sợi dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Tương đương Vicryl Rapide theo chứng nhận FDA. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,
29	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 5/0	sợi	720	Chỉ Polypropylene số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt CC 1/2c, dài 16 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
30	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 3/0	sợi	360	Chỉ polypropylene số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
31	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 5/0	sợi	600	Chỉ Polyglactin 910 số 5/0. Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Tương đương Vicryl theo chứng nhận FDA. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
32	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 hoặc tương đương tiêu nhanh số 5/0	sợi	120	Chỉ Polyglactin 910 số 5/0 Rapid. Thành phần 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate. Sợi dài 45 cm, kim tam giác thâm mỹ 3/8c, dài 12 mm. Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
33	Chỉ Nylon 10/0	sợi	84	Chỉ Nylon số 10/0. Thành phần Polyamide 6-6.6, có lớp phủ Silicon. Sợi dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
Phần III: Nhóm phim Xquang, Gel siêu âm, giấy điện tim, in nhiệt				
34	Phim X Quang 8x10inch (20x25cm)	hộp	560	Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.4

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
35	Phim lazer 10x12inch (25x30cm)	hộp	80	Phim X-quang laser kích thước 25*30 cm . Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim , lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.4
36	Giấy in ảnh siêu âm	cuộn	450	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng giải màu xám hiển thị rõ nét với độ phân giải cao. Tương thích sử dụng máy in Sony, kích thước 110x20m
37	Giấy điện tim 112x90x300p (Kenz)	tập	300	Giấy in điện tim kích thước 112mm x 90mm x 300 sheets, loại tập có dòng kẻ, sử dụng tương thích cho máy điện tim Kenz

Phần IV: Nhóm găng tay và bông, băng, gạc các loại

38	Găng tay khám ngón	đôi	230.000	Chất liệu từ cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. Chiều dài tối thiểu 240, chiều rộng từ 76 ± 3 mm đến 113 ± 3 mm độ dày ngón tay 0.14 ± 0.03mm và lòng bàn tay tối thiểu 0.11 ± 0.03mm. Trước khi lão hóa tối thiểu 650% và sau khi lão hóa tối thiểu 500%.
39	Găng tay mổ tiết trùng	đôi	35.000	Chất liệu từ cao su tự nhiên; Có phủ bột chống dính bôi trơn nằm bên trong găng tay. Tiết trùng bằng khí E.O. Kích thước vật lý: Gồm các size: 6,5, 7, 7,5, 8. Độ dày một lớp 0,15mm ÷ 0,21mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu: trước lão hóa 14N sau lão hóa 11N. Lực giãn tối thiểu trước lão hóa 750% sau lão hóa min 600%.
40	Bao cao su	Cái	1.000	Trơn, mềm, mỏng, không mùi
41	Băng keo thử nhiệt độ hấp ướt 3M (Chỉ thị màu)	cuộn	120	Giấy chỉ thị nhiệt độ băng keo thử nhiệt độ hấp ướt
42	Băng keo có gạc vô trùng 100mmx80mm	Miếng	300	Băng keo có gạc vô trùng. Kích thước 10cm x 8cm, tiết trùng bằng ethylene oxide.
43	Băng keo thử nhiệt sấy khô (Chỉ thị nhiệt)	cuộn	20	Băng keo thử nhiệt sấy khô (Chỉ thị nhiệt)
44	Băng xô y tế 5cm x 2,5m	cuộn	3.000	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng. Kích thước 5cm x 2,5m
45	Băng xô y tế 10cmx5m	cuộn	6.000	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng. Kích thước 10cm x 5m
46	Băng dính lụa Urgo (2,5x5)	Cuộn	5.940	Nền 100 % sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Tiêu chuẩn CE, Nguyên liệu các nước G7, Lõi nhựa liền cánh bảo vệ .
47	Băng vô trùng có gạc 53 x 80mm	Miếng	700	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m ² /24h, keo acrylic. Tiết trùng bằng ethylene oxide. Tiêu chuẩn CE.
48	Bông hút (thấm nước)	kg	400	Thấm hút nước; Bông y tế, trắng mịn, không bụi.
49	Bột bó liền 10cm x 4,6m	cuộn	1.224	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao ≥ 97%, gạc 100% cotton). KT 10cm x 4,6m
50	Bột bó liền 7,5cmx3,6m	cuộn	864	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao ≥ 97%, gạc 100% cotton). KT 7,5cmx3,6m
51	Bột bó liền 15cmx4,6m	cuộn	360	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao ≥ 97%, gạc 100% cotton).KT 15cmx4,6m

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
52	Gạc cầu 1 lớp vô trùng	cái	15.000	Vô trùng, Ø 30, 1 lớp, Chất liệu gạc hút nước 100% cotton, tiết trùng bằng khí EO gas, đảm bảo không có vi khuẩn và nấm mốc
53	Gạc phẫu thuật 10x10 x 8 lớp	miếng	20.000	Gạc cotton y tế 100%. Sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi. Vô trùng, 10x10cm, 8 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485
54	Gạc mổ vô trùng 30x40x6 lớp	miếng	15.000	Gạc cotton y tế 100%. Sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi. Vô trùng, 30x40cm, 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485
55	Gạc phẫu thuật nội soi không dệt 7,5 x 7,5 x 6 lớp	miếng	3.000	Gạc cotton y tế 100%. Sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi. Vô trùng, 7,5cm x 7,5cm, 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485
56	Gạc hút y tế	mét	20.000	Gạc hút nước 100% cotton, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính

Phần IV: Nhóm Sonde và các loại vật tư khác

57	Canuyn Mayo (số 5; số 9)	cái	150	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC.
58	Canuyn mở khí quản	cái	10	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Đầu cổ dài 240 cm. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0.
59	Kim gây tê đám rối thần kinh	cái	50	Kim gây tê dùng cho kỹ thuật gây tê đám rối thần kinh ngoại biên. Vật liệu PVC, PP, EP, thép không gỉ, đồng, thiếc, PTFE, Polyester. Có vạch đánh dấu trên thân kim, thiết kế mặt vát 30 độ
60	Catherter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ	15	Catheter làm bằng Polyurethane dài 20cm, cỡ 7F, 2 nòng G16, G16; kim dẫn đường chữ V có valve 2 chiều chặn máu trào ngược và tắc khí; có các đường cảm quang ngầm trên vách catheter; đầu nối an toàn có valve 2 chiều bơm hoặc rút dịch tự động đóng khi ngừng kết nối; Dây điện cực để đo ECG; dây dẫn đường bằng kim loại chữ đầu J 50cm.
61	Catherter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	cái	15	Catheter làm bằng Polyurethane dài 20cm, cỡ 6F, 1 nòng G14; kim dẫn đường thẳng; có các đường cảm quang ngầm trên vách catheter; đầu nối an toàn có valve 2 chiều bơm hoặc rút dịch tự động đóng khi ngừng kết nối; Dây điện cực để đo ECG; dây dẫn đường tối thiểu bằng kim loại chữ đầu J.
62	Catheter gây tê ngoài màng cứng	bộ	1.000	Kim gây tê ngoài màng cứng đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. Ống bơm tiêm giảm kháng lực LOR giúp xác định khoang ngoài màng cứng. Catheter bằng 2 lớp chất liệu Polyamide và Polyurethan, đầu nối Catheter dạng nắp bật: - Màng lọc vi khuẩn: 0,2 µm, miếng cố định lọc - Syringer 20ml, 3ml.
63	Catheter tĩnh mạch, động mạch rón các cỡ	cái	10	chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 3.5, 4, 5 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút
64	Đầu côn vàng loại A	chiếc	5.000	Đầu côn vàng được làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase
65	Dây thở Oxy gong kính người lớn trẻ em	cái	800	Chất liệu bằng nhựa, đã tiết trùng
66	Lưỡi dao mổ các số	cái	6.000	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiết trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.



STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
67	Đè lưỡi gỗ	cái	30.000	Đè lưỡi bằng gỗ đã tiệt trùng, không gây độc, không gây kích thích, dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016
68	Que gạt bệnh phẩm	cái	300	Được làm bằng gỗ thông đã trích nhựa hoặc chế tạo từ nhựa PP nguyên chất, không độc, không gây kích ứng, tiệt trùng, không làm tổn thương cổ tử cung, dùng một lần
69	Mask thở Oxy Người lớn, trẻ em	cái	2.100	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt. Mask thở oxy được thiết kế cho việc truyền khí oxy qua đường miệng với mức độ tập trung oxy mức trung bình. Độ tập trung oxy: 30-45% với dòng chảy oxy là 5-6L/min; 40-60% với dòng chảy oxy là 7-8L/min.
70	Ống nghiệm TT nhỏ	cái	5.000	Chất liệu: Thủy tinh kích thước: đường kính 16mm; chiều dài ống 100mm
71	Ống nội khí quản các số	chiếc	1.200	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống.
72	Khẩu trang	cái	5.000	Khẩu trang 4 lớp vô trùng
73	Sonde JJ số 7,6	cái	60	Sonde JJ cỡ 6Fr, 7Fr, dài 26cm, phủ Hydrophilic
74	Sonde Foley 2 chạc	cái	2.000	Nguyên liệu: 100% cao su tiên lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp.
75	Sonde Foley 3 chạc	cái	50	Nguyên liệu: 100% cao su tiên lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp.
76	Git vàng	cái	5	Dài 150cm, 0,032" đầu thẳng
77	Git đen	cái	10	Dài 150cm, 0,032" đầu thẳng
78	Git xanh	cái	10	Dài 150cm, 0,035" đầu thẳng
79	Dây hút nhót các cỡ	cái	3.000	Cấu tạo bởi nhựa PVC mềm, mờ, chống gãy gập. Đầu ống được thiết kế mềm, tròn, tránh chấn thương
80	Sonde dạ dày các số	cái	250	Chất liệu nhựa PVC y tế, được tiệt trùng bằng khí Etylen Oxy;
81	Sonde hậu môn	cái	20	Dây dẫn dài ≥400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
82	Sonde đầu lưu ở bụng	cái	200	Chất liệu tối thiểu bằng PVC. Đóng gói vô trùng từng cái.
83	Túi nước tiểu	cái	2.500	Túi bằng nhựa PVC, có chia vạch, không bị rò rỉ các đường khóa, thể tích 2 lít
84	Túi Camera M6 vô trùng	cái	500	Túi nylon 9x14cm có dây bằng cotton
85	Tấm trải nilon	cái	3.000	Tấm trải nilon vô trùng 100 x 130cm
86	Mask khí dung trẻ em	cái	100	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt
87	Pipet nhựa	chiếc	5.000	Bằng nhựa, gồm bầu và thân pipet liền nhau 3ml. Chất liệu: PE

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
88	Tăm bông vô khuẩn cán cứng	cái	400	Que tăm bông vô khuẩn; cán cứng
89	Cóng nhựa đựng bệnh phẩm có nắp	cái	6.000	Bảng nhựa y tế trắng, trong nhìn được bên trong, có nắp
90	Túi chườm	cái	20	Túi chườm nóng, lạnh bằng cao su
91	Cóng nhựa đựng bệnh phẩm không nắp	cái	5.000	Cóng dùng để đựng bệnh phẩm
92	Lọ đựng bệnh phẩm	cái	1.500	Bảng nhựa y tế trắng, trong nhìn được bên trong, có thìa lấy bệnh phẩm, có nắp vận khí, có nhãn để thông tin của bệnh nhân
93	Vòng đeo tay mẹ và bé	cặp	1.500	Dây mềm, có khóa bấm, màu hồng, xanh
94	Lamen các cỡ	hộp	50	Kích thước 22*22mm. Không trầy xước.
95	Cực điện dán	chiếc	2.000	Không gây kích ứng da, an toàn cho bệnh nhân, dẫn truyền tín hiệu tốt
96	Phin lọc âm	cái	1.000	Hiệu quả vi khuẩn 99% • Mức độ thoát ẩm cao • Dòng sản phẩm dành cho trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh • Kết hợp với màng lọc vi khuẩn không dính nước • Vô trùng tiện dụng • Vô trùng hoặc sạch • Nắp giám sát đạt chuẩn có thể giữ lại được • Mức độ ẩm cao (> 33mgH ₂ O / L) • Đầu nối Cellulose hoặc xốp hút ẩm chuẩn ISO
97	Rọ lấy sỏi	cái	5	Vật liệu Titalium cỡ khoảng 4 Fr, 4 cánh, dài 90cm
98	Bơm truyền dịch tự động có PCA (Dùng một lần)(Bóng giảm đau)	Bộ	500	Tốc độ truyền thông thường khoảng 2/4/6/8 ml/giờ. Liều bolus 0.5ml/lần tương ứng thời gian truyền giảm đau PCA khoảng 15 phút. + Bình chứa bằng silicon cùng với ống bằng PVC, ống nối ABS. Có van đuổi khí tự động. Không chứa Pyrogen, không chứa DEHP
99	Meche dẫn lưu	cuộn	50	Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. Được làm từ vải không dệt. Khả năng thấm hút cao và nhanh.
100	Mercell cầm máu	cái	30	Chất liệu: Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate Gạc cầm máu có kích thước: Dài 8cm x rộng 2cm x dày 1.5cm Khả năng thấm hút: Tối thiểu 21 lần trọng lượng ban đầu Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu Đóng gói tiệt trùng từng miếng Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE
Phần V: VẬT TƯ CHUYÊN KHOA RĂNG				
101	Nong đĩa ống tủy	hộp	100	Làm bằng thép không gỉ, dùng để điều trị tủy răng
102	Châm gai	hộp	200	Chiều dài 21mm, các gai đều có độ đàn hồi cao
103	Ống hút nước bọt túi 100 cái	túi	55	Dùng trong chuyên khoa răng
104	Cây nèn ống tủy	hộp	50	Thiết kế của cán vô cùng tiện lợi cho việc sử dụng Vật liệu có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao
105	Tăm bông nha khoa	hộp	20	Tiệt trùng, dùng trong nha khoa
106	Mũi khoan nha khoa	mũi	500	Tính cắt tốt, độ bền cao, gồm các loại đầu, mũi khoan kim cương nha khoa

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
107	Kim tiêm nha khoa	cái	4.000	-Kim tiêm tê dùng trong nha khoa có thiết kế siêu sắc nét với ba cạnh, giảm thiểu chấn thương cho bệnh nhân. -Ống thông cường độ cao khó bị vỡ, ngay cả khi bệnh nhân đột ngột di chuyển -Kim tiêm có sẵn cỡ ngắn và dài -Phù hợp cho cả gây mê và gây tê tiêm ngấm
108	Côn gutta percha	hộp	400	Vật tư, hóa chất sử dụng trong nha khoa. Đủ các số tương ứng với các màu
109	File máy điều trị nội nha	hộp	30	Cạnh cắt sắc bén, sử dụng 1 cây duy nhất cho quá trình điều trị, chịu lực xoắn cao tránh gãy file
Phần VI: VẬT TƯ CHUYÊN KHOA NGOẠI				
110	Nẹp vis lồng máng xương mác 8 lỗ	bộ	4	3 đến 8 lỗ ô, dài 72 - 132mm, dày 1.5mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3.5mm và vít xoắn đk 3.5mm. Chất liệu thép y tế ko gi. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC
111	Nẹp vis xương đòn lồng máng 6 lỗ	bộ	10	Vật liệu bằng thép không gỉ, cấu tạo 4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng với chiều dài 49/61/73/85/97/109/121mm, chiều dày nẹp 1.5mm, chiều rộng nẹp 10mm dùng với vít xương cứng 3.5mm và vít xoắn 4.0mm
112	Chi thép	cuộn	10	ĐK 0.4, 0.6, 0.8, 1.0mm dài 10 mét, thép mềm dẻo. Chất liệu thép y tế ko gi. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC
113	Tấm lưới Prolen (Lưới thoát vị bẹn) 6*11cm	tấm	50	Không tiêu, để vĩnh viễn trong cơ thể, nguyên liệu tối thiểu bằng Polypropylen 6*11cm
114	Lưới Prolen 10*15cm	tấm	10	Không tiêu, để vĩnh viễn trong cơ thể, nguyên liệu tối thiểu bằng Polypropylen 10*15cm
115	Bộ nẹp mắt xích 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít xương cứng 3.5mm)	bộ	10	Vật liệu thép không gỉ, cấu tạo 4/5/6/7/8/9/10/12/14 lỗ tương ứng với chiều dài 48/60/72/84/96/108/120/144/168mm, chiều dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 10mm dùng với vít xương cứng 3.5mm và vít xoắn 4.0mm
116	Bộ nẹp lồng máng 1/3 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ	5	Vật liệu thép không gỉ, cấu tạo 4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng với chiều dài 49/61/73/85/97/109/121mm, chiều dày nẹp 1.5mm, chiều rộng nẹp 10mm dùng với vít xương cứng 3.5mm và vít xoắn 4.0mm
117	Bộ nẹp lồng máng 1/3 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít cứng 3.5mm) xương mác	Bộ	5	Vật liệu thép không gỉ, cấu tạo 4/5/6/7/8/9/10 lỗ tương ứng với chiều dài 49/61/73/85/97/109/121mm, chiều dày nẹp 1.5mm, chiều rộng nẹp 10mm dùng với vít xương cứng 3.5mm và vít xoắn 4.0mm
118	Bộ nẹp mắt xích 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít xương cứng 3.5mm)	Bộ	5	Vật liệu hợp kim Titan, cấu tạo 4/5/6/7/8/9/10/12/14 lỗ tương ứng với chiều dài 48/60/72/84/96/108/120/144/168mm, chiều dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 10mm dùng với vít xương cứng 3.5mm và vít xoắn 4.0mm
119	Bộ nẹp bàn nhỏ cho xương cẳng tay 8 lỗ (gồm 1 nẹp và 8 vít cứng 3.5mm)	Bộ	10	Vật liệu bằng thép không gỉ, cấu tạo 4-12 lỗ tương ứng với chiều dài 52-148mm, chiều dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 10mm, dùng với vít xương cứng 3.5mm
120	Bộ nẹp bàn nhỏ cho xương cẳng tay 6 lỗ (gồm 1 nẹp và 6 vít cứng 3.5mm)	Bộ	10	Vật liệu bằng thép không gỉ, cấu tạo 4-12 lỗ tương ứng với chiều dài 52-148mm, chiều dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 10mm, dùng với vít xương cứng 3.5mm

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, đặc tính kỹ thuật, tính năng của sản phẩm
121	Đinh Kirsner (Các số)	Bộ	10	Vật liệu thép không gỉ, gồm các loại đường kính 0.8/1.0/1.2/1.5/2.0/2.5/3.0/3.5/4.0mm, chiều dài 250mm
122	Bộ nẹp xương bàn tay chữ L 2-7 lỗ (bộ gồm 1 nẹp và 4 vít)	Bộ	10	Vật liệu thép không gỉ, cấu tạo 2/3/4/5/6/7 lỗ tương ứng với chiều dài 21/28/35/42/49/56mm, chiều dày đầu nẹp 1.0mm chiều rộng nẹp 5mm dùng với vít xương cứng 2.0mm

